

TUẦN 16:**Thứ Hai ngày 23 tháng 12 năm 2024****Hoạt động trải nghiệm:****SINH HOẠT DƯỚI CỜ:****NHẬN BIẾT CÁC BIỂU HIỆN CỦA BẠO LỰC****Tiếng Việt:****ĐỌC: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Đọc đúng và đọc diễn cảm văn bản kịch Ở vương quốc Tương Lai. Biết đọc ngắt giọng để phân biệt được tên nhân vật với lời nói của nhân vật. Biết đọc với giọng hồn nhiên thể hiện được tâm trạng háo hức, thán phục hoặc thái độ tự tin, tự hào phù hợp với mỗi nhân vật.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua vở kịch: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.

- Biết Hình thành kiến thức mới. và trân trọng ước mơ của mình và mọi người, có khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS trao đổi theo nhóm: Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV: Bài học hôm nay là một màn kịch trích trong vở kịch Con chim xanh của nhà văn Mát-tét-lích. Chúng ta cùng đọc bài để biết trong vở kịch có những nhân vật nào, vì sao vở kịch có tên là Ở vương quốc Tương Lai nhé. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia thảo luận nhóm. - Đại diện 2-3 nhóm trình bày ý kiến. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức mới.	

2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.

- GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài một lượt
- **GV đọc mẫu:** Đọc diễn cảm cả bài, ngắt giọng để phân biệt tên nhân vật với lời nói của nhân vật.

- GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, ví dụ: Ở vương quốc Tương Lai; Tin-tin; Mi-tin; đôi cánh xanh; sáng chế,...

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

- **GV chia đoạn:** 2 đoạn

+ Đoạn 1: Từ đầu đến một em bé.

+ Đoạn 2: từ Tin -tin đến hết.

- GV gọi 2HS đọc nối tiếp 2 đoạn.

- **GV hướng dẫn luyện đọc từ khó:** Ở vương quốc Tương Lai; Tin-tin; Mi-tin; đôi cánh xanh; sáng chế,...

- **GV hướng dẫn luyện đọc câu:**

Đoạn trích dưới đây/ thuật lại việc hai em tới vương quốc Tương Lai/ và trò chuyện với những em bé sắp ra đời/ trong công xưởng xanh.//

Luyện đọc trong nhóm

- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết).

- Gọi 2-3 nhóm đọc trước lớp:

+ Gọi HSNX

+ GV nhận xét tuyên dương

- Gọi 1 HS đọc toàn bài

2.2. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Vở kịch có những nhân vật nào?

- HS đọc thầm cá nhân.

- HS lắng nghe cách đọc.

- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách đọc.

- 1 HS đọc toàn bài.

- HS quan sát

- 2 HS đọc nối tiếp đoạn.

- HS đọc từ khó.

- 2-3 HS đọc câu.

- HS luyện đọc theo nhóm bàn.

- 2-3 nhóm đọc bài

+ HSNX

+ HS lắng nghe, học tập lẫn nhau.

- 1 HS đọc toàn bài

- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:

+ vở kịch có Tin- tin, Mi-tin và 5 em bé đến từ Tương Lai.

+

+ Câu 2: Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế:

+ Câu 3: Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai?

+ Câu 4: Theo em, vì sao nơi Tin-tin và Mi-tin đến có tên là “Vương quốc Tương Lai”? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Vì các bạn nhỏ sẽ đón tiếp Tin-tin và Mi-tin ở trong tương lai.

B. Vì nơi đó là cuộc sống mơ ước trong tương lai.

C. Vì tất cả mọi người sẽ chuyển đến sống ở đây.

+ Câu 5: Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em sẽ sáng chế vật gì?

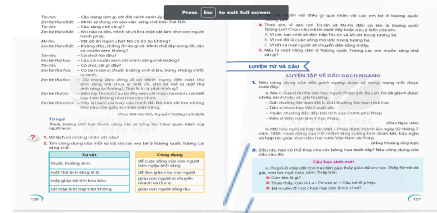
- GV nhận xét, tuyên dương
- GV mời HS nêu nội dung bài.

- GV nhận xét và chốt: *Vở kịch thể hiện ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó, trẻ em là những nhà sáng tạo, góp sức mình phục vụ cuộc sống.*

3. Luyện tập, thực hành.

***. Hoạt động: Luyện đọc lại.**

- GV Hướng dẫn HS đọc bài theo nhóm đôi.
- + Mời HS đọc nối tiếp đoạn theo nhóm đôi.
- + Mời HS nhận xét về giọng đọc, cách ngắt nghỉ, phân biệt tên nhân vật và lời của nhân vật.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV hướng dẫn HS phân vai, đọc bài.



+ Qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai tác giả muốn nói về ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc. Ở đó trẻ em là những nhà sáng chế góp sức mình phục vụ cuộc sống.

+ Đáp án B.

- HS nêu ý tưởng sáng chế của mình.

- HS nêu nội dung bài theo ý hiểu

- HS nhắc lại nội dung bài học.

- HS tham gia đọc bài theo nhóm đôi.

+ HS đọc đoạn theo nhóm đôi.

+ Các nhóm khác nghe, nhận xét.

+ HS đọc bài theo nhóm tổ, tổ trưởng phân vai cho các bạn trong nhóm rồi đọc.

+ Các nhóm thi đọc theo vai.

- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc đúng, diễn cảm.	+ Các nhóm khác nghe, nhận xét.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho HS thi kể về ước mơ của mình đối với cuộc sống trong tương lai. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS tham gia thi kể. - HS khác nghe, nhận xét về ước mơ của bạn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU
LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH, VỀ ĐÁU GẠCH NGANG**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang.
- Biết sử dụng dấu gạch ngang trong văn cảnh cụ thể.
- Viết được câu có sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đã học.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức ôn tập bài cũ khởi động bài học. Cho đoạn văn sau: “Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị: - Nêu những dụng cụ cần dùng (ví dụ: kéo, kìm, dây thép,...)	- HS tham gia trò chơi Cho đoạn văn sau: “Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị: - Nêu những dụng cụ cần dùng (ví dụ: kéo, kìm, dây thép,...)

<p>- Những vật liệu cần sử dụng (ví dụ: bìa, giấy,...)”</p> <p>+ Câu 1: Em hãy tìm các dấu gạch ngang trong đoạn trích trên.</p> <p>+ Câu 2: Em hãy nêu công dụng của những dấu gạch ngang trên.</p> <p>+ Câu 3: Ngoài công dụng trên, dấu gạch ngang còn dùng để làm gì nữa?</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV:Các con đã nắm được công dụng của dấu gạch ngang, bài học hôm nay sẽ giúp các con nắm chắc hơn về các công dụng này.</p>	<p>- Những vật liệu cần sử dụng (ví dụ: bìa, giấy,...)”</p> <p>+ Những dấu gạch ngang trên có công dụng là đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.</p> <p>+ Ngoài ra, dấu gạch ngang còn dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật và nối các từ ngữ trong một liên danh.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập, thực hành.</p>	
<p>Bài 1:Nêu công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây:</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:</p> <p>a) <i>“Ma-ri Quy-ri là nhà bác học người Pháp gốc Ba Lan. Bà đã giành được nhiều danh hiệu và giải thưởng:</i></p> <p>- <i>Giải thưởng Nô-ben Vật lí, giải thưởng Nô-ben Hoá học.</i></p> <p>- <i>Tiến sĩ khoa học Vật lí xuất sắc.</i></p> <p>- <i>Huân chương Bắc đẩu bội tinh của Chính phủ Pháp.</i></p> <p>- <i>Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Pháp.</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(theo Ngọc Liên)</i></p> <p>b) <i>Hội hữu nghị và hợp tác Việt- Pháp được thành lập ngày 2 tháng 7 năm 1995. Hoạt động của hội nhằm tang cường đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp.</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(Hằng Phương tổng hợp)”</i></p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm bàn:</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày.</p> <p>- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV giới thiệu về nhà bác học Ma-ri Quy-ri.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>a) Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.</p>

<p>- GV nhắc HS chú ý phân biệt dấu gạch ngang ở phần b) với dấu gạch nối trong tên của người nước ngoài được phiên âm ra Tiếng Việt.</p> <p>- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.</p> <p>Bài 2. Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.</p> <p>- GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.</p> <p>- GV nêu cách chơi và luật chơi: chọn 2 đội chơi, HS được chọn sẽ lên khoanh vào các dấu gạch ngang có trong mỗi đoạn văn, sau đó viết công dụng của các dấu gạch ngang trong mỗi phần đó vào bảng GV đã chuẩn bị sẵn.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.</p>	<p>b) Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài tập</p> <p>- HS làm bài cá nhân.</p> <p>- HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.</p> <p>- Các nhóm tham gia chơi theo yêu cầu của giáo viên.</p> <p>a) Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật.</p> <p>b) Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.</p> <p>- Các nhóm lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p>Bài 3. Cùng bạn hỏi -đáp về một nhà khoa học. Ghi lại 1- 2 câu hỏi –đáp của em và bạn, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu của bài.</p> <p>- GV mời HS làm việc theo nhóm 2</p> <p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Tên của nhà khoa học đó là gì?</p> <p>+ Nhà khoa học đó là người nước nào?</p> <p>+ Ông (bà) nổi tiếng trong lĩnh vực gì?</p> <p>+ Kể tên một số thành tựu mà nhà khoa học đó đã tạo ra,...</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày.</p> <p>- GV mời các nhóm nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p> <p>- Các nhóm tiến hành thảo luận, thực hành hỏi - đáp và ghi lại đoạn hội thoại đó.</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi: thi tìm ra các đoạn văn trong sách Tiếng Việt 4, tập 1 có sử dụng dấu gạch ngang và nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp tìm được theo nhóm 4. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Toán:

Bài 32: LUYỆN TẬP CHUNG (Tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố kĩ năng nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.
- Củng cố kĩ năng nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
- Củng cố kĩ năng thực hiện được việc vẽ đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song bằng thước thẳng và bằng ê-ke.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

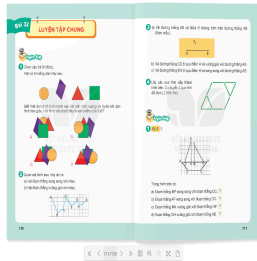
- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy, kéo, bút chì, giấy nháp có ôli, đồng hồ treo tường thật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời:



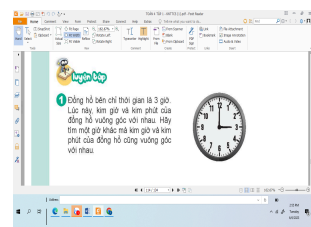
- + Câu 1: Nêu tên các đoạn thẳng song song với nhau trong hình trên?
- + Câu 2: Đoạn thẳng MB vuông góc với đoạn thẳng nào?
- + Câu 3: Đoạn thẳng AH song song với đoạn thẳng nào?
- + Câu 4: Hai đường thẳng song song có đặc điểm gì?
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

Các đoạn thẳng song song với nhau là: AB song song với DC; GH song song với NM.
 Đoạn thẳng MB vuông góc với đoạn thẳng MN
 Đoạn thẳng AH song song với đoạn thẳng DC
 Hai đường thẳng song song không bao giờ cắt nhau.
 - HS lắng nghe.

2. Luyện tập, thực hành.

Bài 1.(Làm việc cá nhân)

Đồng hồ bên chỉ thời gian là 3 giờ. Lúc này kim giờ và kim phút của đồng hồ vuông góc với nhau. Hãy tìm một giờ khác mà kim giờ và kim phút của đồng hồ cũng vuông góc với nhau.



- GV hướng dẫn học sinh làm miệng:
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS thực hành thao tác quay kim trên đồng hồ, tìm giờ theo yêu cầu.

Bài 2:(Làm việc nhóm 2)

Hai đường màu đỏ trong mỗi hình dưới đây có phải là hai đường thẳng song song hay không?

- GV yêu cầu HS nêu dự đoán của nhóm mình.

- Giờ khác mà kim giờ và kim phút vuông góc với nhau là 9 giờ hoặc 21 giờ.
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.
- HS thảo luận, dự đoán và dùng thước kẻ kiểm tra hai đường thẳng song song trong mỗi hình.
- HS đại diện nhóm nêu dự đoán: Hai đường màu đỏ trong mỗi hình là hai đường thẳng song song.

- GV **kết luận:** Hình trong bài là một loại ảo ảnh thị giác (ảo giác Hering) Khi quan sát hình vẽ cảm nhận ban đầu của người xem là hai đường màu đỏ ở trong hình a) giống như hai đường cong nhưng thực chất chúng là hai đường thẳng và hai đường thẳng này song song với nhau.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Chọn câu trả lời đúng

Tìm hình thích hợp để đặt vào vào ô có dấu “ ?”(Làm việc nhóm 4- thi ai nhanh ai đúng)

- GV cho HS làm theo nhóm.

- GV mời các nhóm trình bày.

- Mời các nhóm khác nhận xét, giải thích.

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4: (Làm cá nhân - thi “Ai nhanh ai đúng”)

a) Vẽ hình vuông ABCD trên giấy kẻ ô vuông và vẽ đoạn thẳng AC (theo mẫu).

b) Cắt hình vuông ABCD thành hai phần theo đoạn thẳng AC và ghép hai phần đó thành hình bình hành hoặc hình tam giác.

- GV mời HS nêu cách làm:

- Cả lớp dán hình vào vở:

- GV nhận xét chung

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- Các nhóm làm việc theo phân công.

- Các nhóm thi làm bài trên bảng lớp
Đáp án đúng: B

- Các nhóm nhận xét, giải thích cách tìm.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS làm bài cá nhân trên giấy kẻ ô vuông

- 3 HS lên bảng thi ghép hình.

- HS nhận xét và chỉ ra cách ghép tạo hình tam giác, hình thoi.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi thi cắt, ghép từ hình vuông cho sẵn, cắt, ghép thành các hình khác nhau.

Ai đúng sẽ được tuyên dương.

- Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- HS xung phong tham gia chơi.

- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Giáo dục thể chất:

Bài 2: BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG BẬT XA (Tiết 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết và thực hiện được động tác tại chỗ bật xa, di chuyển một bước bật cao
- Đoàn kết giúp đỡ nhau khi tham gia tập luyện, tích cực tham gia chơi trò chơi rèn luyện tư thế kĩ năng vận động cơ bản.
- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.



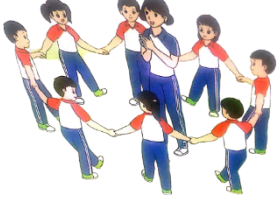
***Góp phần hình thành và phát triển:**

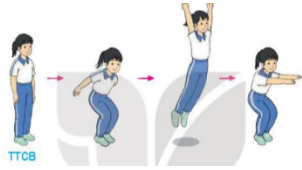
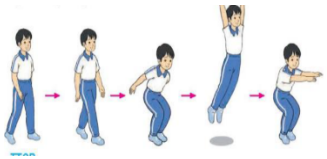




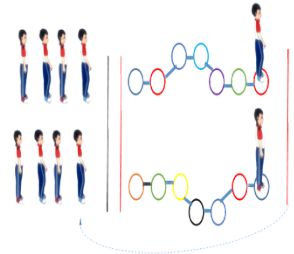
- **Phẩm chất:** Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.
- **Năng lực:** Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; NL vận động cơ bản


II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, còi phục vụ trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Lượng VD		Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
	T. gian	S. lần	Hoạt động GV	Hoạt động HS
<p>I. Hoạt động khởi động: Nhận lớp</p> <p>Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... - Trò chơi “Đếm sao” 	5– 7’	2x8N	Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học - GV HD học sinh khởi động. - GV hướng dẫn chơi	- Đội hình nhận lớp  - HS khởi động theo GV. - HS Chơi trò chơi. 
<p>II. Hoạt động luyện tập - Kiến thức.</p>	16-18’			

<p>- Bài tập: Động tác tại chỗ bật xa,</p>  <p>- Bài tập: Di chuyển một bước bật cao</p>  <p>-Luyện tập</p> <p>Tập đồng loạt</p> <p>Tập theo tổ nhóm</p> <p>Tập theo cặp đội</p> <p>Thi đua giữa các tổ</p> <p>- Trò chơi “Bật nhảy xoay người tiếp sức”.</p>  <p>- Bài tập PT thể lực:</p> <p>- Luyện tập mở rộng:</p>	<p>3-5’</p>	<p>2 lần</p> <p>2 lần</p> <p>2 lần</p> <p>1 lần</p> <p>1 lần</p>	<p>- GV nhắc lại cách thực hiện và phân tích kỹ thuật động tác.</p> <p>- Cho 4 em học sinh lên thực hiện động tác tại chỗ bật xa, di chuyển một bước bật cao</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương</p> <p>- GV hô - HS tập theo GV.</p> <p>- Gv quan sát, sửa sai cho HS.</p> <p>- Yc Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.</p> <p>- Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS</p> <p>- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.</p> <p>- GV và HS nhận xét đánh giá tuyên dương.</p> <p>- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn lại cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.</p> <p>- Nhận xét tuyên dương và xử phạt người phạm luật</p>	<p>- Đội hình HS quan sát</p>  <p>- HS tiếp tục quan sát</p> <p>- Đội hình tập luyện đồng loạt.</p>  <p>ĐH tập luyện theo tổ</p>  <p>- Từng tổ lên thi đua trình diễn</p> <p>- Chơi theo đội hình hướng dẫn</p> 
--	-------------	--	--	---

<p>III.Hoạt động tiếp nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thả lỏng cơ toàn thân. - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học. Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà - Xuống lớp 	<p>4- 5'</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS chạy XP cao 20m - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi? - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs. - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<p>HS chạy kết hợp đi lại hít thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS thực hiện thả lỏng - ĐH kết thúc 
---	--------------	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

Bài 16: ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đưa được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển.
- Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy **III.**

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức chia sẻ	

+ Hãy kể tên một số con vật mà em biết. Chúng thường ăn những loại thức ăn nào?

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV dẫn dắt vào bài mới: Ngoài nhu cầu về thức ăn, động vật cần những yếu tố nào nữa để sống và phát triển. Các yếu tố đó có giống với thực vật mà chúng ta tìm hiểu ở bài 15 không, chúng ta hãy tìm hiểu ở bài hôm nay để làm rõ điều đó.

- GV ghi bảng

- HS dựa trên vốn hiểu biết trả lời câu hỏi.

- HS lắng nghe.

-HS ghi bài

2. Hình thành kiến thức mới.

Hoạt động 1: CÁC YẾU TỐ CẦN CHO SỰ SỐNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT

* Quan sát Tranh 1.

- GV yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK kết hợp với tranh, ảnh hoặc video về các hoạt động sống của động vật hoặc khai thác các hiểu biết của HS. yêu cầu HS cho biết các con vật trong hình cần những yếu tố gì để sống và phát triển.

- GV gọi 3, 4 HS trả lời.

- GV gợi ý HS các yếu tố như thức ăn, nước uống, không khí từ đó phát triển bằng cách kể thêm những yếu tố cần để động vật sống và phát triển bình thường như nhiệt độ, ánh sáng.

* Quan sát Tranh 2:(HĐ nhóm 2)

- GV tiếp tục tổ chức HS hoạt động yêu cầu quan sát hình 2, liên hệ thực tế, thảo luận theo nhóm hoặc cặp đôi lấy ví dụ chứng tỏ vai trò quan trọng của thức ăn, nước uống, ánh sáng và nhiệt độ trong sự sống và phát triển của một số con vật.

- GV gọi đại diện nhóm HS, mỗi đội diện nhóm trả lời cho một ý.

- GV chốt câu trả lời cho mỗi ý.

- HS quan sát hình, từng con vật và nêu các yếu tố mà mỗi con vật trong hình cần để sống và phát triển.

(1) Các con vật trong hình cần thức ăn, nước uống, không khí để sống thể hiện trên hình như hươu ăn cỏ, bò uống nước, cò ăn cá, cá đang thở, chim mẹ cho chim con ăn. bướm hút mật hoa....

(2) HS kể thêm các yếu tố cần thiết khác để động vật sống và phát triển như nhiệt độ, ánh sáng.

- HS hoạt động nhóm 2 theo yêu cầu thảo luận trả lời từng ý một.

- Đại diện nhóm HS báo cáo, các HS lắng nghe các nhóm nhận xét, bổ sung cho câu trả lời.

- HS đưa được một hoặc vài ví dụ thực tế, hoặc phân tích từ hình ảnh gợi ý trong hình 2. Câu trả lời linh động với từng trường hợp HS phân tích ví dụ.

nhiệt độ, ánh sáng.

- Động vật cần đầy đủ thức ăn. nước uống để sống và phát triển: Hình 2a cho thấy đàn cừu trong điều kiện khô hạn thiếu thức ăn. nước uống trông còi cọc, chậm lớn, kém phát triển. Hình 2b đàn cừu ở điều kiện đầy đủ thức ăn. nước uống phát triển khoẻ mạnh. lớn nhanh, sinh nhiều cừu con. Khi cơ thể thiếu nước uống sẽ có cảm giác khát, da khô` cơ thể yếu, mệt mỏi và có thể chết.... Thiếu thức ăn: đói, mệt mỏi, chậm chạp. còi cọc. ốm yếu và có thể chết....Trong thực tế nếu động vật bị đói hoặc hạn hán không tìm được nước uống thường tối đa khoảng một tuần sẽ bị chết.

- Động vật cần ánh sáng để quan sát môi trường xung quanh. di chuyển, tìm kiếm thức ăn hay sưởi ấm cơ thể: Hình 2c cho thấy hổ bắt mồi tìm thức ăn được cần có ánh sáng và kể cả con chim cũng cần có ánh sáng để phát

bắt mồi tìm thức ăn được cần có ánh sáng và kể cả con chim cũng cần có ánh sáng để phát hiện và lẩn trốn kẻ săn mồi. Phần lớn động vật hoạt động kiếm ăn ban ngày khi có ánh sáng mặt trời và đi ngủ, nghỉ ngơi vào ban đêm. Các con vật như thằn lằn kể cả chó. mèo thường phơi nắng để sưởi ấm cơ thể giúp cơ thể nhanh nhẹn, khoẻ mạnh hơn.

- Khi nhiệt độ của môi trường quá thấp. quá cao hoặc thay đổi đột ngột. động vật có thể bị chết nên chúng thường tìm cách tránh: Khi nhiệt độ môi trường quá lạnh như khi xuất hiện tuyết, băng giá ở một số tỉnh nước ta rất nhiều động vật bị ốm, chết như trâu bò. Khi nắng nóng kéo dài động vật mệt mỏi, ốm và có thể chết. Ở vùng cực đới lạnh hay ở vùng sa mạc nắng nóng có rất ít động vật sống được. Nắng nóng các con vật sẽ tìm cách tránh nóng bằng cách chui vào hang, đứng dưới các tán cây như thỏ trốn vào hang tránh nóng ở hình 2d, khi mùa đông khi nhiệt độ thấp, gấu thường ngủ đông trong hang để tránh rét, cơ thể hầu như không phát triển. Nhiều loại động vật còn di cư như chim én bay đến những vùng ấm áp hơn vào mùa đông và quay trở lại vào mùa xuân khi nhiệt độ ấm trở lại. Vào mùa xuân, khí hậu ấm áp, con vật lớn nhanh, hoạt động, sinh sản nhiều hơn so với nhiệt độ lạnh của mùa đông...

Một số động vật thường sống ở nơi có nhiệt độ thấp như chim cánh cụt, gấu Bắc Cực, tuần lộc, hải cẩu, cá voi xanh; một số động vật thường sống ở nơi có nhiệt độ cao như hươu cao cổ, sư tử, hổ, voi, vượn, lạc đà, rắn. Nếu đổi nơi sống của chúng cho nhau thì các con vật thường sẽ không thể sống và phát triển được.

GV kết luận: Động vật cần có thức ăn, nước, khí ô - xi, nhiệt độ và ánh sáng thích hợp để sống và phát triển. Thiếu bất kì yếu tố nào đều ảnh hưởng đến sự phát triển hoặc sự sống của chúng.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- 1. Gia đình bạn Khang có chuyến đi du lịch cần đưa con mèo đi cùng. Hãy giúp bạn Khang chọn được chiếc lồng phù hợp ở hình 3. Giải thích sự lựa chọn đó.



Hình 3

2. Trong đợt rét đêm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc có hàng loạt trâu bò chăn thả bị chết. Theo em vì sao trâu, bò bị chết? Hãy đề xuất một số biện pháp giúp hạn chế trâu, bò chết trong trường hợp này.

- GV mời HS nêu yêu cầu
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm thảo luận 2 câu trên.
- Mời đại diện các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm nhận xét, góp ý.
- GV kết luận: Chúng ta cần vận dụng kiến thức về nhu cầu sống và trao đổi chất ở động vật để giải thích được một số hiện tượng trong tự nhiên, và đề xuất ứng dụng trong chăm sóc vật nuôi.

- GV nhận xét chung và dặn dò bài sau.

-HS đọc yêu cầu

- HS thảo luận nhóm 4.

- Các nhóm thảo luận trả lời hai câu hỏi và cử đại diện nhóm phát biểu.

1. Hình a lồng thoáng khí; hình b lồng nắp kín, hình c lồng thoáng khí có gắn bình

uống nước và khay thức ăn. Do đó chọn lồng như hình c phù hợp đảm bảo được

nhiều nhu cầu cần thiết của vật nuôi: thức ăn, nước uống, trao đổi khí.

2. Trong đợt rét đậm, rét hại ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta có hàng loạt trâu, bò chăn thả bị chết. Trâu bò chết vì nhiệt độ quá lạnh. Đề xuất biện pháp như không chăn thả trâu bò, làm chuồng trại, cùng bạt che chắn gió. cho trâu bò ăn uống đầy đủ, sưởi ấm cho trâu bò.

- Học sinh lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Ba ngày 24 tháng 12 năm 2024

Tiếng Việt:

VIẾT: VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết viết được bài văn miêu tả con vật dựa vào dàn ý đã lập.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức ôn bài cũ để HS nhớ lại kiến thức đã học + Câu 1: Bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần, đó là những phần nào? + Câu 2: Khi miêu tả đặc điểm của con vật, em nên miêu tả theo trình tự nào? + Câu 3: Để miêu tả chính xác các đặc điểm và thói quen, hoạt động của con vật, em cần phải làm gì? + Câu 4: - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV đưa ra hình ảnh một số con vật đáng yêu và giới thiệu bài: Những chú cún (mèo) con rất đáng yêu, bài học hôm nay sẽ giúp các con vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của chú nhé. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia ôn bài + Bài văn miêu tả con vật thường gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. +... Tả đặc điểm ngoại hình của con vật trước rồi tả hoạt động và thói quen sau. + Để miêu tả chính xác các đặc điểm và thói quen, hoạt động của con vật, em cần phải quan sát kĩ con vật đó. - HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện.
2. Luyện tập, thực hành.	
<p>Chọn một trong hai đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó.</p> <p>Đề 2: Miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc phim ảnh mà em yêu thích.</p> <p>Bài 1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở bài 28, viết bài văn miêu tả con vật mà em yêu thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. 	

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2-3 HS đọc lại dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở bài 28. - GV mời HS dựa vào dàn ý để viết thành bài văn miêu tả con vật. - GV lưu ý HS sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hoá để câu văn hay hơn, sinh động hơn. - GV mời HS đọc bài viết trước lớp. - GV nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Một số HS trình bày trước lớp. - HS làm việc cá nhân. - 2 – 3 HS đọc bài viết trước lớp. - HS khác lắng nghe, nhận xét.
<p>Bài 2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 a) Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi: <ul style="list-style-type: none"> + Các đặc điểm của con vật. + Trình tự sắp xếp các ý. + Cách dùng từ, viết câu. b) Chỉnh sửa lỗi(nếu có) - GV mời HS có bài viết tốt đọc trước lớp, tìm ưu điểm và lỗi còn mắc phải theo gợi ý ở phần a) và ghi lại các lỗi lên bảng lớp. - GV mời HS làm việc theo nhóm 2. - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc bài viết, phát hiện lỗi và tìm những câu văn hay để chú ý học theo. -2 HS trong bàn sẽ đổi vở, soát lỗi và chỉ ra lỗi cho bạn, sau đó sửa lỗi(nếu có). - Các nhóm trình bày kết quả. - Các nhóm khác nhận xét.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nêu yêu cầu của phần vận dụng: <i>Tìm đọc các bài văn miêu tả con vật hoặc trao đổi với người thân về đặc điểm của con vật trong bài viết của em.</i> - GV tổ chức cho HS đọc một số bài văn miêu tả con vật, ghi lại những câu văn em thấy hay và muốn học hỏi. - GV nhận xét tiết dạy. - GV nhắc HS về nhà trao đổi với người thân về bài văn của mình. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu phần vận dụng. - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Hs đọc bài văn đã chuẩn bị hoặc GV chuẩn bị, ghi lại những câu văn mà em muốn học hỏi. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:**Toán:****ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU (Tiết 1)****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Đọc, so sánh được các số đến lớp triệu.
- Nhận biết được các hàng, các lớp trong hệ thập phân.
- Nhận biết được giá trị theo vị trí của chữ số trong mỗi số.
- Nhận biết được cấu tạo thập phân của mỗi số. Viết được số thành tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Phát triển được năng lực tư duy toán học.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc các số sau: 123 576; 312 348; 98 715; 1 257 386. + Câu 2: Nêu giá trị của chữ số 1 trong các số trên. + Câu 3: Số có đến hàng triệu là số nào? + Câu 4: Tìm số bé nhất trong các số trên. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Trả lời: HS đọc các số trên. Mỗi HS đọc một số và nêu giá trị của chữ số 1 trong mỗi số đó. Số có đến hàng triệu là số 1 257 386 Số bé nhất trong các số trên là 98 715 - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành.	
<p>Bài 1. (Làm việc nhóm 2 – miệng)</p> <p>Trong hình dưới đây có ghi số dân của một số tỉnh, thành phố năm 2019 (theo Tổng cục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu của bài. - HS quan sát hình, đọc số dân của các tỉnh, thành phố và sửa lỗi cho nhau.

Thông kê). Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó.

- GV gọi HS nối tiếp đọc số dân của các tỉnh, thành phố, mỗi nhóm đọc một số.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Bài 2: (Làm việc nhóm 4 – miệng)

Cho số 517 906 384.

a) Nêu các chữ số thuộc lớp triệu của số đó.

b) Nêu các chữ số thuộc lớp nghìn của số đó.

c) Nêu các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đó.

- GV yêu cầu HS chỉ rõ các chữ số trong mỗi lớp thuộc hàng nào rồi mới đọc số

d) Đọc số đó.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3:(Làm việc cá nhân – vở)

a) Viết mỗi số 45 730; 608 292; 815 036; 5 240 601 thành tổng (theo mẫu):

Mẫu: $45\ 730 = 40\ 000 + 5\ 000 + 700 + 30$

b) Số?

$50\ 000 + 6\ 000 + 300 + 20 + ? = 56\ 327$

$800\ 000 + 2\ 000 + ? + 40 + 5 = 802\ 145$

$3\ 000\ 000 + 700\ 000 + 5\ 000 + ? = 3\ 705\ 090$

- GV lưu ý HS những số cần điền thuộc hàng nào, lớp nào?

- GV cho HS làm cá nhân vào vở.

- GV mời HS thi ai nhanh ai đúng.

- Mời HS khác nhận xét

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

- HS đọc nối tiếp theo yêu cầu.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS nêu, xác định yêu cầu của bài tập.

- HS làm bài nhóm 4.

+ Các chữ số thuộc lớp triệu là 5; 1; 7.

+ Các chữ số thuộc lớp nghìn là 9; 0; 6.

+ Các chữ số thuộc lớp đơn vị là 3; 8; 4.

- HS nêu các chữ số theo hàng, lớp, đọc số.

+ Năm trăm mười bảy triệu, chín trăm linh sáu nghìn, ba trăm tám mươi tư.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra bài.

- HS thi làm bài nhanh trên bảng lớp.

Đáp án:

a) $608\ 292 = 600\ 000 + 8\ 000 + 200 + 90 + 2$

$815\ 036 = 800\ 000 + 10\ 000 + 5\ 000 + 30 + 6$

$5\ 240\ 601 = 5\ 000\ 000 + 200\ 000 + 40\ 000 + 600 + 1$

b) $50\ 000 + 6\ 000 + 300 + 20 + 7 = 56\ 327$

$800\ 000 + 2\ 000 + 100 + 40 + 5 = 802\ 145$

$3\ 000\ 000 + 700\ 000 + 5\ 000 + 90 = 3\ 705\ 090$

- HS khác nhận xét.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Bài 4:Số? (Thi ai nhanh ai đúng)
 - Chữ số 4 (7) của mỗi số trên thuộc hàng nào, lớp nào?
 - GV yêu cầu cả lớp làm bài vào vở

- HS nêu yêu cầu của bài.
- HS nêu từng chữ số trong mỗi số.
- HS làm bài cá nhân.
- HS đổi vở, nhận xét bài của bạn.
- 3 HS lên bảng thi làm bài nhanh.

Số	9 724	46 875	703 410	4 297 6
Giá trị của chữ số 4	4	40 000	400	4 000 0
Giá trị của chữ số 7	700	70	700 000	7 000

- GV nhận xét, tuyên dương.
Bài 5: (Làm nhóm4 hoặc 5 – phiếu)
 Đố em!

Cho một số có ba chữ số. Khi viết thêm chữ số 2 vào trước số đó thì được số mới có bốn chữ số lớn hơn số đã cho bao nhiêu đơn vị?
 - GV hỏi: Sau khi viết chữ số 2 vào trước số có ba chữ số đã cho thì chữ số 2 nằm ở hàng nào? Khi đó chữ số 2 có giá trị là bao nhiêu?
 - Vậy số có bốn chữ số lớn hơn số đã cho bao nhiêu đơn vị?
 - GV nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét bài làm của bạn.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- HS đọc đề bài.
- HS thảo luận nhóm, làm bài.
- Các nhóm trình bày ý kiến.
- Sau khi viết chữ số 2 vào trước số có ba chữ số đã cho thì chữ số 2 nằm ở hàng nghìn, khi đó chữ số 2 có giá trị là 2 000.
- Vậy số có bốn chữ số lớn hơn số đã cho 2 000 đơn vị.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi thi đọc số, viết số, nêu giá trị của chữ số 8 trong các số sau: 32 897; 180 254; 45 518;...
 Mỗi HS tham gia chơi sẽ bốc thăm chọn số, sau đó sẽ đọc số mình bốc được, nêu giá trị của chữ số 8 trong mỗi số đó.
 Ai đúng sẽ được tuyên dương.
 - Nhận xét, tuyên dương.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
- HS xung phong tham gia chơi.
- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:**Hoạt động trải nghiệm:****HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:****TỰ LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ Ở NHÀ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Học sinh nhận thức được trách nhiệm của mình với công việc nhà.
- Học sinh chủ động nhận thực hiện được một số việc làm hằng ngày, thường xuyên để chăm sóc ngôi nhà của mình.

- Góp phần hình thành và phát triển:

- * Năng lực : giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.
- * Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Nhận diện – khám phá:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức múa hát bài “bé quét nhà” - Nhạc và lời Hà Đức Hồng để khởi động bài học. - GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát <ul style="list-style-type: none"> + Bài hát do ca sỹ nào thể hiện? + Bạn nhỏ trong bài hát đã biết làm việc gì để giúp đỡ bà rồi? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. Bạn nhỏ rất giỏi, tuy nhỏ tuổi nhưng đã biết quét nhà giúp bà. Vậy chúng ta đã tự làm được việc gì rồi, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay nhé 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát. - HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp. <ul style="list-style-type: none"> + Xuân Mai + Bạn nhỏ quét nhà - HS lắng nghe.
2. Tìm hiểu – mở rộng:	

Hoạt động 1: Sắm vai kể chuyện tương tác về một cậu bé luôn ỷ lại vào người khác

- GV yêu cầu HS lần lượt sắm vai nhân vật "Ỡ lại" luôn nhờ vả người khác làm họ việc của mình

- Sau mỗi cặp HS sắm vai nhân vật "Ỡ lại" nhờ vả người khác làm họ việc của mình. GV yêu cầu HS cả lớp đưa ra lý lẽ để thuyết phục nhân vật tự làm việc của mình.

- GV theo dõi, động viên, ủng hộ cả lớp chơi.

- GV nhận xét trò chơi, tuyên dương.

Kết luận: Liệu có ai nhờ người khác anh bỏ mình chơi gõ mình không việc kể lại vào người khác sẽ khiến mình trônên lười biếng và thành người lạ trong chính căn nhà của mình.

Hoạt động 2: Chia sẻ về việc nhà của em (Nhóm 2)

- HS sắm vai nhân vật "Ỡ lại".

- HS dưới lớp theo dõi và đưa ra lý lẽ thuyết phục nhân vật tự làm việc của mình.

Ví dụ:

+ HS nói: Mẹ ơi, rửa bát hộ con với.

+ Lớp nói: Mẹ có ăn hộ bạn được không? Nếu không được cũng giống như việc mẹ không rửa bát cho bạn được.

+ HS nói: Anh gấp quần áo hộ em với.

+ Lớp nói: Anh có mặc quần áo của em được không? Nếu anh mặc quần áo của bạn thì bạn sẽ mặc gì nên bạn phải tự gấp quần áo của mình bạn nhé. Phải có trách nhiệm của mình với công việc nhà

- Tương tự nhân vật sắm vai "Ỡ lại" có thể đưa ra các tình huống khác như:

+ Chị quét nhà giúp em với.

+ Chị lau nhà hộ em với.

+ Chị lấy nước hộ em với...

- HS lắng nghe

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận N2 có thể vẽ hoặc viết vào mẫu giấy những việc em đã làm thường xuyên mà không cần ai nhắc. Những việc em thấy ngại làm hoặc hay quên làm. - GV yêu cầu các nhóm chia sẻ kết quả - GV yêu cầu 1 số nhóm HS nêu lý do em tự làm việc, cách ghi nhớ công việc, cách giúp em không ngại làm việc nhà - GV yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, tuyên dương: Để công việc không bị dồn ứ, chúng mình đừng quên việc nhà cần làm ngay và luôn nhé. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi kê ra những việc em đã làm thường xuyên mà không cần ai nhắc. Những việc em thấy ngại làm hoặc hay quên làm - HS chia sẻ kể những việc đã làm, chưa làm Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Em quét nhà, rửa cốc chén, gấp chăn màn, xếp quần áo... + Quên làm: Rửa rau, lau chùi nhà cửa,... - HS chia sẻ: Lập phiếu ghi công việc cần làm hằng ngày, làm ngay những công việc đó, không để dồn đống công việc. - HS nhận xét, bổ sung - Lắng nghe, rút kinh nghiệm bổ sung.
<p>3. Thực hành – vận dụng.</p>	
<p>* Hoạt động 1: Lập phiếu việc nhà (làm việc cá nhân)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời học sinh nêu yêu cầu hoạt động. - Lập phiếu việc nhà: Liệt kê việc nhà mà em đã nhận làm hằng ngày và đánh dấu vào bảng những việc em đã làm hằng ngày. - GV mời HS làm việc cá nhân, mỗi người lập một phiếu cho mình. + Lưu ý làm việc cẩn thận, an toàn, không đùa giỡn trong lúc làm việc tránh gây thương tích cho bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu bài. - HS chuẩn bị bút, thước, bút màu và tiến hành lập phiếu theo yêu cầu: Liệt kê việc nhà mà em đã nhận làm hằng ngày và đánh dấu vào bảng những việc em đã làm hằng ngày.
<p>Hoạt động 2. Chia sẻ với bạn về phiếu việc nhà của em.. (Làm việc nhóm 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời cả lớp chia nhóm 4, cùng nhau chia sẻ trong nhóm về phiếu mình vừa làm 	

<p>được, nêu việc nhà mà em đã nhận làm hằng ngày và giải thích chỗ đánh dấu vào bảng những việc em đã làm hằng ngày.</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày về kết quả thảo luận của nhóm:</p> <p>+ Các bạn trong nhóm ở nhà thường làm những việc gì ở nhà?</p> <p>+ Làm việc gì nhiều nhất?</p> <p>+ Những việc gì còn ngại và quên làm?</p> <p>+ Làm cách nào để nhớ làm những công việc đó?</p> <p>+ Mỗi khi làm xong công việc đó bạn cảm thấy thế nào?</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>- Học sinh chia nhóm 4, tiến hành thảo luận và chia sẻ với bạn về phiếu của mình.</p> <p>- Giải thích những chỗ đánh dấu trong phiếu.</p> <p>- Các trình bày kết quả thảo luận.</p> <p>+ VD: Quét nhà, gấp quần áo..</p> <p>+ VD: Quét nhà..</p> <p>+ VD: Lau chùi nhà..</p> <p>+VD: Mình lập phiếu, lập thời gian biểu..</p> <p>+ VD: Vui, thoải mái, hãnh diện về bản thân....</p> <p>- Lắng nghe, rút kinh nghiệm bổ sung.</p>
<p>4. Đánh giá – phát triển.</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân: Tự lực thực hiện các công việc đã nhận ở gia đình và thực hiện Phiếu việc nhà để theo dõi quá trình thực hiện</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Tư ngày 25 tháng 12 năm 2024

Tiếng Việt:

ĐỌC VÀ LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC (2 tiết):
CÁNH CHIM NHỎ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Cánh chim nhỏ*.

Giáo viên: Đàm Thị Ngân

Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám

- Biết đọc diễn cảm, nhấn giọng các từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện.

- Hiểu được những điều tưởng như giản dị, bình thường quanh chúng ta là ước mơ của nhiều người khác.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<p>- GV giới thiệu bài hát “Em muốn làm” để khởi động bài học.</p> <p>+ Trong bài hát, bạn nhỏ muốn làm gì?</p> <p>+ Bạn muốn làm những nghề nghiệp đó để làm gì?</p> <p>- GV: Các em ạ, mỗi chúng ta ai cũng có những ước mơ của riêng mình, có người mơ ước lớn lao, có người ước mơ những điều thật giản dị, bình thường. Vậy nên chúng ta nên tôn trọng ước mơ của người khác và nếu có thể hãy giúp họ thực hiện những ước mơ bình dị ấy, bởi những điều giản dị, bình thường với chúng ta nhưng lại là ước mơ của người khác, giống như bạn nhỏ trong câu chuyện chúng ta sẽ tìm hiểu sau đây.</p>	<p>- HS lắng nghe bài hát.</p> <p>+ Bạn ấy muốn làm bác sĩ, thầy cô giáo, chú công an, đầu bếp, phi công, kĩ sư, ca sỹ,....</p> <p>+ Bạn muốn luôn mang hạnh phúc cho đời.</p> <p>- Học sinh lắng nghe.</p>
2. Hình thành kiến thức mới..	
2.1. Hoạt động 1: Đọc văn bản.	
<p>- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm nhấn giọng ở những từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật trong câu chuyện.</p> <p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ gọi tả sự vật, các từ ngữ gọi tả</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc.</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.</p>

<p>suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 2đoạn theo thứ tự: <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn 1: từ đầu đến nói với bạn. + Đoạn 2: Thế rồi đến hết. - GV gọi 2HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: <i>chao liệng, tại sao mình lại không thể bay nhỉ, ước gì, chia sẻ, cười giòn tan, thăm thì, ôm ghì, ...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nhìn những cánh chim chao liệng trên trời cao,/ cậu nghĩ /tại sao mình lại không thể bay nhỉ.//</i> + <i>Một hôm,/ cậu đến công viên chơi/ và gặp một cậu bé đang ngồi nghịch cát. //</i> - GV hướng dẫn cách nhấn giọng: đọc nhấn giọng vào những từ ngữ gợi cảm xúc, hình ảnh như: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó.</i> + <i>Người cha đứng lặng nhìn theo, mắt rung rung.</i> <p>Luyện đọc trong nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết). - GV theo dõi sửa sai. - Gọi 2-3 nhóm đọc trước lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Gọi HSNX + GV nhận xét tuyên dương - Gọi 1 HS đọc toàn bài 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát - 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - 2-3 HS đọc nhấn giọng. - HS luyện đọc theo nhóm bàn. - 2-3 nhóm đọc bài + HSNX + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. - 1 HS đọc toàn bài
<p>2.2. Hoạt động: Trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc toàn bài. - GV mời 1 HS đọc phần giải nghĩa từ <ul style="list-style-type: none"> + <i>Chao liệng: nghiêng cánh bay theo đường vòng.</i> + <i>Giòn tan: dễ vỡ lắm nghĩa trong bài là tiếng cười vui tươi hoà vào không gian.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp lắng nghe. - 1 HS đọc phần giải nghĩa từ

<p>+ <i>Đứng lặng: đứng im</i> + <i>Rung rung: nước mắt ứa ra, đọng thành tròng nhưng chưa chảy xuống thành giọt.</i> + GV yêu cầu HS đặt câu với một vài từ vừa giải nghĩa. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hoạt động cá nhân, ... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.</p> <p>+ Câu 1: Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì?</p> <p>Câu 2: Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì cho bạn?</p> <p>Câu 3: Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn cõng chạy trong công viên?</p> <p>Câu 4: Nêu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS nêu nội dung bài. - GV chốt: <i>Câu chuyện muốn nói với chúng ta rằng có những điều tưởng như rất bình thường với chúng ta nhưng lại là mơ ước của rất nhiều người khác. Vì vậy, trong cuộc sống chúng ta phải biết yêu thương, động viên, chia sẻ, giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình.</i></p>	<p>- HS trả lời lần lượt các câu hỏi:</p> <p>+ Hai cậu bé gặp nhau ở công viên. Cậu bé bình thường thì mơ ước biết bay như những chú chim, cậu bé bị liệt thì chỉ muốn biết đi lại bình thường như bao người khác. + HS thảo luận nhóm, trình bày: Cậu bé đã cõng bạn để bạn có cảm giác được bay. + HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân: cậu bé thấy vui/ sung sướng/ hạnh phúc, ...</p> <p>+ HS làm việc nhóm 4, đại diện nhóm trình bày ý kiến: Cậu bé biết quan tâm, giúp đỡ người khác/ cậu bé nhân hậu/ cậu bé tốt bụng, ...</p> <p>- HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình. - HS lắng nghe.</p> <p>- HS nhắc lại nội dung bài học.</p>
<p>3. Luyện tập, thực hành.</p>	
<p>3.1. Hoạt động: Luyện đọc lại.</p> <p>- GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm. - Mời một số học sinh đọc nối tiếp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS lắng nghe cách đọc diễn cảm. - HS đọc nối tiếp theo đoạn. Đọc một số lượt. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p>
<p>3.2. Luyện tập theo văn bản đọc.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.</p>

<p>Bài 1: GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm những từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc <i>Cánh chim nhỏ</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời học sinh làm việc nhóm 4. - Mời đại diện các nhóm trình bày. <ul style="list-style-type: none"> - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương. <p>Bài 2: GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Đặt 1-2 câu với những từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. - Mời một số HS trình bày kết quả (hoặc thu vở chấm một số em) - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm trình bày <p>Đáp án: Các từ ngữ gợi tả cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc <i>Cánh chim nhỏ</i> là: <i>cười giòn tan, ôm ghì, hét to.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - 1HS đọc yêu cầu bài 2. <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp làm việc cá nhân, viết bài vào vở. <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm bài văn. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc, so sánh được các số đến lớp triệu.
- Viết được tổng các triệu, trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị thành số.
- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất của bốn số đã cho trong phạm vi lớp triệu.
- Làm tròn được số có bảy chữ số đến hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến so sánh các số đến lớp triệu.
- Phát triển được năng lực tư duy toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy. Phiếu học tập ghi số tiền của từng loại máy tính và hình minh hoạ ở bài tập 4.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Đọc các số sau: 576 123; 348 312; 27 598; 1 386 257. + Câu 2: Nêu giá trị của chữ số 2 trong các số trên. + Câu 3: Số có đến hàng triệu là số nào? + Câu 4: Tìm số lớn nhất trong các số trên. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: HS đọc các số trên. Mỗi HS đọc một số và nêu giá trị của chữ số 1 trong mỗi số đó. Số có đến hàng triệu là số 1 386 257 Số lớn nhất trong các số trên là 1 386 257. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành.	
<p>Bài 1. > ; < ; = ?(Làm việc cá nhân – vở)</p> - GV gọi HS lên bảng làm bài. - Mời HS giải thích tại sao điền > ; < ; =? - GV nhận xét, tuyên dương. <p>Bài 2: (Làm việc nhóm đôi - miệng) Bảng thống kê dưới đây cho biết số lượt khách du lịch của một số nước Đông Nam Á đến Việt Nam năm 2019 (theo Niên giám thống kê năm 2019).</p>	- HS nêu yêu cầu của bài -HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra. - 2 HS lên bảng làm bài, giải thích. a) 98 979 < 701 325 651 410 > 639 837 4 785 696 < 5 460 315 b) 37 020 = 30 000 + 7 000 + 20 2 005 < 200 000 + 900 + 5 8 100 300 > 7 000 000 + 900 000 - Nhận xét bài làm của bạn. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS làm việc nhóm đôi, tìm số lớn nhất, số bé nhất để trả lời câu hỏi.

a) + Nước nào có lượt khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất?

+ Nước nào có lượt khách du lịch đến Việt Nam ít nhất?

b) Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam-pu-chia ít hơn số lượt khách du lịch của những nước nào trong các nước trên?

- GV hướng dẫn HS tìm số lớn nhất, số bé nhất trong các số trên rồi trả lời câu hỏi.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: (Làm việc nhóm 4 hoặc 5 – miệng)

Số học sinh cấp Tiểu học trên cả nước tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 8 891 344 học sinh (theo Niên giám thống kê năm 2020).

a) Khi làm tròn số học sinh đến hàng trăm Nam nói: “ Số học sinh có khoảng 8 891 400”

Việt nói: “ Số học sinh có khoảng 8 891 300”

Theo em, bạn nào nói đúng?

- GV hỏi: Khi làm tròn đến hàng trăm, ta lấy chữ số của hàng nào để so sánh với 5?

b) Mỗi bạn dưới đây đã làm tròn số học sinh đến hàng nào?

- Mời HS khác nhận xét

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4:Số? (Nhóm 4 - thi “Ai nhanh, ai đúng”)

Trong siêu thị điện máy, cô bán hàng đã đặt nhằm biển giá tiền của bốn loại máy tính như sau:

Biết rằng máy tính C có giá thấp nhất, máy tính B có giá thấp hơn máy tính D nhưng cao hơn máy tính A. Em hãy giúp cô

- Từng nhóm HS thực hành hỏi – đáp trước lớp.

+ Ma-lai-xi-a có số lượt khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất.

+ Lào có số lượt khách du lịch đến Việt Nam ít nhất.

+Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Cam-pu-chia ít hơn số lượt khách du lịch của Thái Lan và Ma-lai-xi-a.

- Nhận xét bài làm của bạn.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- HS nêu yêu cầu của bài.

- HS làm bài nhóm 4 hoặc 5

- Các nhóm trình bày kết quả.

Đáp án:

Khi làm tròn đến hàng trăm, ta lấy chữ số của hàng chục để so sánh với 5.

a) Bạn Việt nói đúng vì số 4 ở hàng chục bé hơn 5 nên ta làm tròn xuống.

b) + Nam làm tròn đến hàng trăm nghìn.

+ Mai làm tròn đến hàng nghìn.

+ Việt làm tròn đến hàng chục nghìn.

- Các nhóm khác nhận xét.

- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- HS nêu yêu cầu của bài.

<p>bán hàng xác định đúng giá tiền của mỗi máy tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì? - GV hướng dẫn: Em hãy dựa vào cách so sánh, sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn để xác định giá tiền của mỗi máy tính. - GV yêu cầu cả lớp làm bài vào phiếu nhóm. - GV nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết: máy tính C có giá thấp nhất, máy tính B có giá thấp hơn máy tính D nhưng cao hơn máy tính A. - Bài toán hỏi: Em hãy giúp cô bán hàng xác định đúng giá tiền của mỗi máy tính. - HS thảo luận nhóm, làm bài. - Các nhóm thi ai nhanh ai đúng, chọn phiếu ghi số tiền dán vào máy tính thích hợp. - Các số theo thứ tự từ bé đến lớn là: 17 800 000 đồng ; 18 700 000 đồng; 21 900 000 đồng; 22 300 000 đồng. Vậy máy tính C có giá 17 800 000 đồng. Máy tính B có giá thấp hơn máy tính D nhưng cao hơn máy tính A. Vậy máy tính A có giá 18 700 000 đồng; máy tính B có giá 21 900 000 đồng; máy tính D có giá 22 300 000 đồng. - Nhận xét, chữa bài. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi thi “ Ai nhanh, ai đúng” <p>Sắp xếp các biểu thức sau theo thứ tự giá trị từ lớn đến bé:</p> <p>A. $30\ 000 + 140\ 000 - 125\ 000$</p> <p>B. $240\ 000 - (120\ 000 - 30\ 000)$</p> <p>C. $80\ 000 + 50\ 000 - 40\ 000$</p> <p>Phát cho mỗi HS một phiếu ghi thứ tự 1,2,3, yêu cầu HS lên đứng theo thứ tự các biểu thức có giá trị từ lớn đến bé.</p> <p>Ai đúng sẽ được tuyên dương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - HS xung phong tham gia chơi. - 3 HS lên đứng nhanh theo thứ tự đúng của bài. <p>Đáp án: B ; C; A.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

Công nghệ:

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố khắc sâu kiến thức đã học trong chương trình học kì I : nêu được tên gọi, lợi ích cách trồng và chăm sóc cây, hoa....
- Qua các phần ôn tập học sinh có kỹ năng tổng hợp kiến thức.
- Rèn luyện kỹ năng để góp phần phát triển năng lực công nghệ, năng lực thẩm mỹ.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc chia sẻ được lợi ích của hoa và cây cảnh trồng ở trường hoặc gia đình.

***Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tìm hiểu lợi ích của hoa và cây cảnh ở gia đình, trường học, địa phương đối với đời sống, biết cách chăm sóc hoa, cây cảnh.
- Phẩm chất: Phẩm chất chăm chỉ; trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể. Yêu thích hoa và cây cảnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu video một số loài hoa một số cây cảnh đẹp đã thực hiện trồng và chăm sóc được để khởi động bài học. + GV Cùng trao đổi với HS về vẻ đẹp của hoa, cây cảnh đã xem trong video: Em nhận xét xem. + GV hỏi thêm: Em có thích hoa và cây cảnh không? Em đã góp phần chăm sóc nó như thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp theo dõi video. - HS chia sẻ những suy nghĩ của mình qua xem video hoa và cây cảnh đẹp. - HS trả lời theo suy nghĩ của mình. - HS lắng nghe.
<p>2. Hoạt động luyện tập</p> <p>Hoạt động 1: Trang trí cảnh quan. (Làm việc chung cả lớp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc chung cả lớp, cùng quan sát tranh và trả lời bằng thẻ. + Em hãy quan sát tranh dưới đây và cho biết hoa, cây cảnh được dùng để làm gì? - GV giới thiệu từng tranh, mời học sinh đưa thẻ. - GV cho học sinh giới thiệu thêm về lợi ích của hoa, cây cảnh - GV nhận xét chung, tuyên dương và chốt: Hoa và cây cảnh được dùng để trang trí, quà tặng, chúc mừng, tặng thêm thu nhập phát triển kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS làm việc chung cả lớp: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: + Hoa, cây cảnh được dùng để trang trí ở trường học, nhà ở, công viên, hội trường các cuộc hội họp... . + Hoa, cây cảnh được dùng để xuất khẩu phát triển kinh tế. + Hoa, cây cảnh được dùng để làm quà tặng, chúc mừng chia sẻ động viên khi vui, buồn - HS đưa thẻ tương ứng với tranh. - HS lắng nghe, ghi nhớ.
<p>Hoạt động 2: Chia sẻ cùng bạn. (sinh hoạt nhóm 4)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và chia sẻ về : 	<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận và chia sẻ :

- + Kể tên và nêu đặc điểm của một số loại cây, hoa nở vào mùa xuân hoặc mùa hè hoặc mùa thu hoặc mùa đông mà em biết.
- + Em yêu thích loại hoa, cây cảnh nào nhất? Vì sao? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về loại hoa, cây cảnh đó.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

- + HS kể tên cây, hoa theo mùa mình biết.
- + Nêu đặc điểm của các loại cây, hoa
- + Kể tên và nêu cây, hoa mình thích, nói về đặc điểm của nó, nêu vì sao?
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

Hoạt động 3: Chia sẻ cùng bạn. (sinh hoạt N 2)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận và chia sẻ về :
 - + Kể tên một số loại giá thể trồng hoa, cây cảnh mà em biết. 3.
 - + Mô tả cách sử dụng một số dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu.
 - + Nêu cách gieo hạt và các việc cần làm sau khi gieo hạt hoa, cây cảnh trong chậu.
 - + Miêu tả cây mình gieo trồng và chăm sóc
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận và chia sẻ :
 - + HS kể tên loại dụng cụ trồng cây, hoa và mô tả cách dụng các dụng cụ đó.
 - + Nêu cách bước gieo hạt trong chậu .
 - + Hãy mô tả một số cách tưới nước cho hoa, cây cảnh trong chậu của mình. Cách bón phân cho hoa, cây cảnh trong chậu. Cách cắt tỉa, vệ sinh cho hoa, cây cảnh trong chậu, vệ sinh cho một loại hoa, cây cảnh trong chậu của mình.
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS chia sẻ về tự gieo trồng chậu hoa ở nhà và chăm sóc, giải thích lợi ích của những loại hoa, cây cảnh với mọi người trong gia đình. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chia sẻ về những loài hoa, cây cảnh được trồng ở nhà, giải thích lợi ích của những loại hoa, cây cảnh đó với người thân. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

.....

Thứ Năm ngày 26 tháng 12 năm 2024

Tiếng Việt:

VIẾT: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nhận biết được ưu điểm, nhược điểm của bài văn miêu tả con vật của mình, viết lại được 1-2 đoạn văn trong bài văn của mình cho hay hơn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn:

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”: HS thi xếp nhanh tên con vật và những đặc điểm, hoạt động của con vật đó. <p>1. con mèo a. trồng nhà, lông mềm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi

<p>2. con chó b. leo nhanh thoăn thoắt 3. con gà c. bộ lông trắng muốt 4. con thỏ d. bới đất tìm giun</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: - GV dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe. - Học sinh thực hiện. + 1-2 HS trả lời theo suy nghĩ của mình.</p>
<p>2. Hình thành kiến thức mới.</p>	
<p>Bài 1. Nghe thầy, cô giáo nhận xét chung</p> <p>- GV trả bài viết cho cả lớp rồi nhận xét chung những bài viết tốt, những lỗi sai nhiều HS mắc phải. - GV đọc 1-2 bài viết tốt nhất để HS tham khảo.</p> <p>Bài 2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm, nhược điểm của bài làm.</p> <p>+ Bài làm có đủ mở bài, thân bài, kết bài không? + Các đặc điểm của con vật có được lựa chọn và miêu tả theo trình tự hợp lí không? + Bài làm mắc mấy lỗi về dùng từ, đặt câu và chính tả?</p> <p>- GV mời 1 học sinh đọc yêu cầu. - GV mời HS làm việc cá nhân: tự đọc lại bài làm của mình và lời nhận xét của thầy cô theo các gợi ý trong SGK, sau đó tìm ra và sửa lỗi. - GV mời HS làm việc nhóm bàn: đổi bài cho nhau tìm lỗi trong bài của bạn và trao đổi về cách sửa lỗi. - Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả. - GV mời các nhóm nhận xét. - GV nhận xét chung, tuyên dương.</p> <p>Bài 3. Đọc bài làm của các bạn được thầy cô khen, nêu những điều em muốn học tập.</p> <p>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.</p>	<p>- 1HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS nhận bài, nghe GV nhận xét. - HS lắng nghe.</p> <p>- 1 HS đọc yêu cầu của bài 2 - HS làm việc cá nhân. - HS làm việc nhóm bàn. - Các nhóm trình bày ý kiến thảo luận. - Các nhóm nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - GV chiếu bài làm tốt của HS lên màn hình rồi mời HS đọc lại bài làm (cho HS đọc bài nếu không có điều kiện). + Qua các bài làm trên, em thấy những điểm nào hay, cần học tập? - GV mời HS khác nhận xét. - GV nhận xét chung, kết luận. <p>Bài 4: Viết lại 1-2 đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 4. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân. <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 3. Cả lớp lắng nghe. - HS đọc lại bài làm tốt của các bạn. <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày cá nhân theo cảm nhận của mỗi người. - HS khác nhận xét. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập 4. - HS viết bài cá nhân. - HS viết xong trước trình bày bài làm trước và sau khi sửa để GV và cả lớp nhận xét. - HS khác nghe, nhận xét.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Thi chăm vật khéo”. + GV chuẩn bị bút dạ, chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 5 bạn lên nối tiếp thi tìm từ chỉ: <ul style="list-style-type: none"> Đội 1: Từ chỉ đặc điểm của con vật Đội 2: từ chỉ hoạt động của con vật - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia chơi trò chơi để củng cố vốn từ về con vật. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét nhóm nào viết đúng, hay sẽ được chọn giải nhất, nhì, ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp nghìn.

- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn

- Tính được giá trị của biểu thức liên quan tới phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.

- Giải được các bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ.

- Phát triển được năng lực tư duy toán học.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Nêu kết quả của phép tính: $468 + 379$. + Câu 2: $>$; $<$; $=$? a) $2\ 975 + 4\ 017 \dots 4\ 017 + 2\ 975$ b) $3\ 864 + 2\ 900 \dots 2\ 900 + 3\ 799$ c) $8\ 264 + 927 \dots 927 + 8\ 300$ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: - HS tính, nêu kết quả: $468 + 379 = 847$ -3 HS lần lượt lên so sánh và điền dấu thích hợp. Đáp án: a) $2\ 975 + 4\ 017 = 4\ 017 + 2\ 975$ b) $3\ 864 + 2\ 900 > 2\ 900 + 3\ 799$ c) $8\ 264 + 927 < 927 + 8\ 300$ - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành.	
Bài 1. (Làm việc nhóm đôi - miệng) Tính nhẩm: - GV gọi HS nối tiếp nhẩm. - GV nhận xét, tuyên dương. Bài 2: (Làm việc cá nhân - vở) Đặt tính rồi tính $9\ 658 + 6\ 290$ $56\ 204 + 74\ 539$ $14\ 709 - 5\ 234$ $159\ 570 - 811\ 625$ - GV yêu cầu HS làm bài, nêu cách thực hiện các phép tính	- HS nêu yêu cầu của bài. - HS thực hiện tính nhẩm - Nhận xét bài của bạn. - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS làm bài cá nhân vào vở. - 4 HS lên bảng làm bài, nêu cách thực hiện phép tính của mình. - HS khác nhận xét. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: (Làm việc nhóm 4 - phiếu)

Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất, biểu thức nào có giá trị bé nhất?

- A. $90\ 000 + 30\ 000 + 5\ 473$
- B. $387\ 568 - (200\ 000 - 40\ 000)$
- C. $456\ 250 + 200\ 000 - 500\ 000$
- D. $210\ 000 - 90\ 000 + 4975$

- GV yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh giá trị các biểu thức tìm ra biểu thức có giá trị lớn nhất, bé nhất.

- GV mời HS nêu kết quả.

- Mời HS khác nhận xét

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4: (Làm bài nhóm đôi - vở)

+ Bài toán cho biết gì?

+ Bài toán yêu cầu tính gì?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm cách giải bài.

+ Trước tiên chúng ta cần tìm gì? Vì sao?

+ Muốn tìm giá tiền của đôi tất ta làm phép tính gì?

+ Sau đó ta đi tìm giá tiền của cái gì? Dựa vào đâu em biết?

- HS nêu, xác định yêu cầu của bài tập.

- HS làm bài nhóm 4, tính giá trị của các biểu thức rồi so sánh tìm ra biểu thức có giá trị lớn nhất, bé nhất.

- HS nêu đáp án đúng:

+ Biểu thức B có giá trị lớn nhất.

+ Biểu thức D có giá trị bé nhất.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc đề bài, tìm hiểu đề.

+ Bài toán cho biết: Bố mua cho Nam một bộ quần áo đồng phục, đôi giày và đôi tất hết tất cả 314 000 đồng. Trong đó, tổng số tiền của bộ quần áo đồng phục và đôi giày là 306 000 đồng, giá tiền của đôi giày nhiều hơn giá tiền của đôi tất là 107 000 đồng.

+ Bài toán yêu cầu: Tính giá tiền của mỗi loại.

- HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách giải bài.

+ Trước tiên, cần tìm giá tiền của đôi tất, vì ta biết tổng số tiền của ba món đồ và số tiền của bộ quần áo và đôi giày.

+ Muốn tìm giá tiền của đôi tất ta làm phép tính trừ, lấy tổng số tiền phải trả trừ đi số tiền mua bộ quần áo và đôi giày.

+ Sau đó ta đi tìm giá tiền của đôi giày, vì ta biết đôi giày có giá hơn đôi tất là

- Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm. Biết trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống; bước đầu xác định được trách nhiệm bảo vệ và phát huy những giá trị của quần thể khu di tích Đền Hùng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<p>- GV chiếu video truyền thuyết liên quan đến thời Hùng Vương và đặt câu hỏi: + Truyền thuyết này có tên là gì? + Truyền thuyết diễn ra vào đời vua nào? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.</p>	<p>- HS theo dõi và trả lời một số câu hỏi: + Truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy + Đời vua Hùng Vương thứ 6. - HS lắng nghe.</p>
2. Khám phá:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu truyền thuyết thời Hùng Vương.	
<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo yêu cầu: <i>Nhớ lại và kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương.</i> + GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung. + GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại nội dung: Ngoài truyền thuyết <i>Con Rồng cháu Tiên</i> (truyền thuyết <i>Bọc trăm trứng</i>), sự tích <i>Bánh chưng, bánh giầy</i> còn có nhiều truyền thuyết khác liên quan đến thời vua Hùng như: <i>Thánh Gióng</i> (hay truyền thuyết <i>Phù Đổng Thiên Vương</i>), <i>Mai An Tiêm</i> (hay <i>Sự tích quả dưa hấu</i>),...</p>	<p>- HS thảo luận nhóm theo yêu cầu: <i>Nhớ lại và kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương.</i> + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, các nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung. Các truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương: <i>Truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên</i>, sự tích <i>Bánh chưng, bánh giầy</i>,... + HS lắng nghe.</p>

<p>- GV yêu cầu HS đọc các truyền thuyết trong SGK, kể lại với bạn trong nhóm một truyền thuyết mà em yêu thích; nói cảm nhận của mình về câu chuyện đó.</p> <p>+ GV mời các nhóm cử đại diện một số HS sử dụng tranh ảnh kể lại trước lớp câu chuyện yêu thích và nói lí do tại sao lại yêu thích câu chuyện đó.</p> <p>+ GV sử dụng tranh ảnh trong SGK (có thêm tranh ảnh sưu tầm) chiếu lên màn hình và kể lại.</p> <p>+ GV khuyến khích HS kể lại các truyền thuyết có liên quan đến thời vua Hùng Vương mà các em đã sưu tầm được (kết hợp với tranh ảnh hoặc clip)</p> <p>- GV kết luận: Thời Hùng Vương có rất nhiều truyền thuyết được lưu truyền đến ngày nay. Các truyền thuyết đều nhằm tôn vinh công lao dựng nước của các Vua Hùng. Bác Hồ đã căn dặn chúng ta: <i>Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước</i>, vì thế, với mỗi chúng ta, tùy vào khả năng và điều kiện của mình, hãy chung tay góp sức giữ gìn và quảng bá cho khu di tích Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương.</p>	<p>- HS đọc các truyền thuyết trong SGK, kể lại với bạn trong nhóm một truyền thuyết mà em yêu thích; nói cảm nhận của mình về câu chuyện đó.</p> <p>+ Các nhóm cử đại diện một số HS sử dụng tranh ảnh kể lại trước lớp câu chuyện yêu thích và nói lí do tại sao lại yêu thích câu chuyện đó.</p> <p>+ HS quan sát và lắng nghe,</p> <p>+ HS kể lại các truyền thuyết có liên quan đến thời vua Hùng Vương mà các em đã sưu tầm được (kết hợp với tranh ảnh hoặc clip)</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. Luyện tập</p>	
<p>Hoạt động 3: Kể lại một truyền thuyết có liên quan đến thời Vua Hùng mà em thích bằng hình thức: đóng vai, kể chuyện bằng tranh,...</p> <p>- GV chia lớp thành 2 nhóm lớn tổ chức thi kể lại truyền thuyết <i>Phù Đổng Thiên Vương</i> có liên quan đến thời Vua Hùng bằng hai hình thức:</p>	<p>- Các nhóm nhận nhiệm vụ, chuẩn bị kể lại truyền thuyết <i>Phù Đổng Thiên Vương</i>.</p>

<p>+ Nhóm 1: đóng vai + Nhóm 2: kể chuyện bằng tranh. - GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>- Các nhóm thể hiện phần thi của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<p>- GV đưa ra câu hỏi để HS vận dụng kiến thức trả lời: <i>Ngày mùng Mười tháng Ba hằng năm được chọn làm ngày Quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương. Điều đó thể hiện truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam?</i> - GV nhận xét, tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi: Ngày mùng Mười tháng Ba hằng năm được chọn làm ngày Quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương. Điều đó thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, tri ân công lao dựng nước của tổ tiên, giáo dục truyền thống lịch sử của dân tộc. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....
.....

Giáo dục thể chất:

Bài 2: BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG BẬT XA (Tiết 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết và thực hiện được động tác tại chỗ bật xa, di chuyển một bước bật cao
- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.

*** Góp phần hình thành và phát triển:**

- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.
- Năng lực: Tự chủ và tự học; Giao tiếp và hợp tác; NL vận động cơ bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:


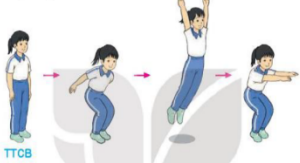
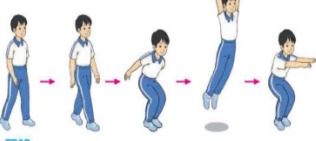

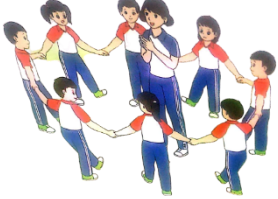



- + Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, còi phục vụ trò chơi.


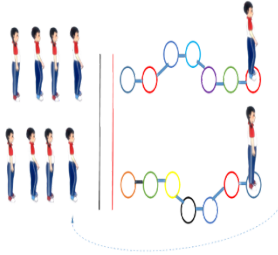
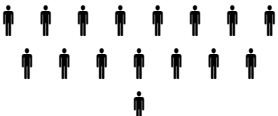
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Lượng VD		Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
	T. gian	S. lần	Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động khởi động:	5 – 7'			- Đội hình nhận lớp

Giáo viên: **Đàm Thị Ngân**

Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám

<p>Nhận lớp</p> <p>Khởi động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... - Trò chơi “ Đếm sao”  <p>II. Hoạt động luyện tập</p> <p>- Kiến thức.</p> <p>- Bài tập: Động tác tại chỗ bật xa,</p>  <p>- Bài tập: Di chuyển một bước bật cao</p>  <p>-Luyện tập</p> <p>Tập đồng loạt</p> <p>Tập theo tổ nhóm</p> <p>Tập theo cặp đội</p>	<p>2 - 3’</p> <p>16-18’</p> <p>2 lần</p> <p>2 lần</p> <p>2 lần</p>	<p>2x8N</p>	<p>Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học</p> <p>- GV HD học sinh khởi động.</p> <p>- GV hướng dẫn chơi</p> <p>- GV nhắc lại cách thực hiện và phân tích kỹ thuật động tác tác.</p> <p>- Cho 4 em học sinh lên thực hiện động tác tại chỗ bật xa, di chuyển một bước bật cao</p> <p>- GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương</p> <p>- GV hô - HS tập theo GV.</p> <p>- Gv quan sát, sửa sai cho HS.</p> <p>- Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.</p>	 <p>- HS khởi động theo GV.</p> <p>- HS Chơi trò chơi.</p>  <p>- Đội hình HS quan sát</p>  <p>- HS tiếp tục quan sát</p> <p>- Đội hình tập luyện đồng loạt.</p>  <p>ĐH tập luyện theo tổ</p> 
---	--	-------------	---	--

<p>Thi đua giữa các tổ</p> <p>- Trò chơi “Bật nhảy xoay người tiếp sức”.</p> 	<p>3-5’</p>	<p>1 lần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV và HS nhận xét đánh giá tuyên dương. - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn lại cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS. - Nhận xét tuyên dương và xử phạt người phạm luật 	<ul style="list-style-type: none"> - Từng tổ lên thi đua trình diễn - Chơi theo đội hình hướng dẫn 
<p>- Bài tập PT thể lực:</p> <p>- Luyện tập mở rộng:</p> <p>III.Hoạt động tiếp nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thả lỏng cơ toàn thân. - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học. Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà - Xuống lớp 	<p>4- 5’</p>	<p>1 lần</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS chạy XP cao 20m - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi? - GV hướng dẫn - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs. - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. 	<p>HS chạy kết hợp đi lại hít thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - HS thực hiện thả lỏng - ĐH kết thúc 

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Stem:

CHẾ TẠO CÂN CÂN BẰNG (T3)

Stem:**CHẾ TẠO CÂN CÂN BẰNG (T4)****Thứ Sáu ngày 27 tháng 12 năm 2024****Tiếng Việt:****NÓI VÀ NGHE:****KỂ CHUYỆN: ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

- Nghe, hiểu câu chuyện Đôi cách của ngựa trắng.
- Kể lại được nội dung câu chuyện dựa vào tranh (không bắt buộc phải đúng nguyên văn câu chuyện).
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nhân vật trong bài học.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

- Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.
- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm, phẩm chất trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài hát “Cho con” để khởi động bài học. + Đố các em bài hát nói về điều gì? + Những điều tốt đẹp cha mẹ dành hết cho con chứng tỏ điều gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nêu câu hỏi để dẫn dắt vào bài mới: Cha mẹ nào cũng dành tất cả những gì tốt đẹp nhất mình có cho con cái. Tuy nhiên, có những bậc cha mẹ yêu thương con quá không dám để con vất vả khó khăn, làm cho đứa con của họ trở nên nhút nhát, 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi + Bài hát nói về những điều tốt đẹp cha mẹ dành cho con. + Điều đó chứng tỏ cha mẹ rất yêu thương con của mình. - HS lắng nghe.

<p>thiếu tự tin vào bản thân, không có kỹ năng để giải quyết vấn đề khi gặp khó khăn, thử thách trong cuộc sống giống như anh chàng ngựa trắng trong câu chuyện mà chúng ta sẽ học. Vậy ngựa trắng làm thế nào để vượt qua những khó khăn đó và đạt được ước mơ của mình chúng ta cùng tìm hiểu câu chuyện: Đôi cánh của ngựa trắng.</p>	
<p>2. Hình thành kiến thức mới.</p>	
<p>1. Nghe kể chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV kể câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng kết hợp chỉ hình ảnh minh họa (lần 1) - GV nhắc HS ghi nhớ tên các nhân vật và lời nói của nhân vật. - GV kể lại câu chuyện (lần 2). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi vắn tắt lời kể của GV, lời của nhân vật (nếu kịp).
<p>2. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc lại yêu cầu bài tập 2 - GV mời cả lớp thảo luận nhóm 4 kể lại câu chuyện. Chú ý kể bằng lời của mình, vừa kể vừa kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nhấn giọng,.. - GV mời các nhóm trình bày. - GV mời các nhóm khác nhận xét. - Giáo viên nhận xét, khen những HS kể bằng lời của mình, vừa kể vừa kết hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, nhấn giọng,.. <p>3. Nêu những cảm xúc, suy nghĩ của em sau khi nghe câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu bài tập 3. - GV mời HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình. - GV nhận xét, chốt: <i>Câu chuyện muốn khuyên chúng ta phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân, đi đây đi đó để hiểu biết mới mau</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập 2 - HS thảo luận nhóm 4 kể lại câu chuyện, mỗi HS kể 1 tranh. - Các nhóm nối tiếp kể chuyện theo tranh. - Các nhóm nhận xét. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc yêu cầu bài tập 3. - HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình: phải mạnh dạn, tự tin, chịu khó rèn luyện/ không nên chỉ chú ý đến vẻ bề ngoài,... - HS lắng nghe

khôn lớn, vừng vàng để thực hiện ước mơ của mình.

3. Vận dụng trải nghiệm.

1. Trao đổi với người thân về ý nghĩa câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài 1 phần vận dụng.

- GV tổ chức cho HS đóng vai, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện vừa học.

+ Mời các nhóm trình bày.

+ GV nhận xét chung, tuyên dương những nhóm trình bày tốt.

2. Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài 2.

- GV có thể gợi ý tên các câu chuyện trong SHS hoặc các câu chuyện về ước mơ được viết trên sách, báo,...

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

- HS đọc yêu cầu bài 1.

- HS thảo luận nhóm 2 hoặc 3.

- Các nhóm thực hành trao đổi ý kiến trước lớp.

- Các nhóm khác nhận xét

- HS đọc yêu cầu bài 2.

- HS lắng nghe, ghi tên một số câu chuyện để về tìm đọc

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 34: ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Thực hiện được phép cộng, trừ trong phạm vi lớp triệu.

- Tính nhẩm được các phép cộng, trừ liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn, tròn triệu, tròn chục triệu, tròn trăm triệu.

- Tính được giá trị của biểu thức liên quan tới phép cộng, trừ có và không có dấu ngoặc.

- Tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm 4 số.

- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép cộng, trừ.

Bài 2: Đặt tính rồi tính (Làm việc cá nhân)

- GV cho HS làm bài vào vở
- 370 528 + 85 706 435 290 + 208 651
- 251 749 - 6 052 694 851 - 365 470
- Đối vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
- Khi đặt tính và tính cần lưu ý gì?
- GV Nhận xét, tuyên dương.

Bài 3: Hình dưới đây cho biết giá tiền của các món đồ. (Câu a cho làm vở, câu b làm miệng)

- GV cho HS quan sát tranh rồi giải vào vở.



- GV 1 Hs trình bày.
- Mời các bạn nhận xét
- Lưu ý: HS có thể làm theo cách tính số tiền của ba món đồ trong các phương án đã nêu, so sánh với 200 000 đồng rồi chọn phương án đúng
- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện (Làm việc cá nhân)

- 16370+6090+2530+4010
- GV cho HS làm việc cá nhân vào vở rồi chia sẻ nhóm 2 nêu cách làm.
- Con dựa vào tính chất nào của phép cộng để thực hiện?
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 Hs đọc yêu cầu
- HS làm bài vào vở, 1, 2 HS làm bảng phụ hoặc hắt vở để chữa.
- 370 528 + 85 706 = 456 234
- 435 290 + 208 651 = 643 941
- 251 749 - 6 052 = 245 697
- 694 851 - 365 470 = 329 381
- HS đối vở soát nhận xét.
- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- 1 Hs đọc yêu cầu
- Hs làm vở

Câu a:

Bài giải

Số tiền mua một đôi dép và một hộp đồ chơi xếp hình là:

$$70\ 000 + 125\ 000 = 195\ 000 \text{ (đồng)}$$

Có bán hàng trả lại Mai số tiền là:

$$200\ 000 - 195\ 000 = 5\ 000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 5 000 đồng.

Câu b: Ta có: 50 000 + 65 000 + 70 000 = 185 000 bé hơn 200 000.

Vậy chọn B.

- 1 Hs trình bày.
- Các bạn nhận xét.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 Hs đọc yêu cầu
- HS làm vở rồi chia sẻ nhóm 2 nêu cách làm
- 16370 + 6090 + 2530 + 4 010 = (16370 + 2530) + (6090 + 4 010)
- = 18 900 + 10100 = 29 000
- Dựa tính chất giao hoán và kết hợp
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

3. Vận dụng trải nghiệm.

<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh củng cố phép cộng, trừ - Ví dụ: Cho Hs nghĩ ra 1 phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1 000 000 để đố nhau tính kết quả. - Nhận xét, tuyên dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Hs chơi đố bạn theo cặp nhóm (hình thức lâu băng chuyền)
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Đạo đức:

Bài 7: EM TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Học sinh nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác.
- Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác.
- Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những việc làm cụ thể phù hợp.
- Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc bản thân luôn tôn trọng tài sản của người khác (khi mượn phải biết giữ gìn, bảo vệ).

- Góp phần hình thành và phát triển:

- * *Năng lực:* tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác
- * *Phẩm chất:* trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho học sinh xem video clip nói về hành động biết tôn trọng tài sản của người khác để khởi động bài học. - GV dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS cùng theo dõi video. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập – Thực hành:	

Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến. (làm việc chung cả lớp)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS làm việc chung, đọc các nhận xét, thảo luận và đưa ra nhận xét với các ý kiến:

a. “Nhặt được của rơi, trả người đánh mất” là tôn trọng tài sản của người khác.

b. Đã là bạn bè thân thiết thì có thể đọc thư của nhau mà không cần xin phép.

c. Giúp bảo quản đồ dùng, vật dụng của nhau cũng là thể hiện tôn trọng tài sản người khác.

d. Khi mượn đồ của người lớn tuổi thì mới xin phép, còn mượn đồ của người nhỏ tuổi hơn thì không cần.

e. Nói lời xin lỗi và tìm cách đền bù khi làm hư hỏng đồ đạc của người khác.

- GV mời một số em trình bày.

- GV mời HS khác nhận xét.

- GV nhận xét, tuyên dương.

Hoạt động 2: Nhận xét các hành động và đưa ra lời khuyên. (Sinh hoạt nhóm 2)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

- GV mời HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau nhận xét các hành động và đưa ra lời khuyên phù hợp đối với một số trường hợp:

a. Thấy bạn lấy đồ của người khác mà không xin phép.

b. Thấy chị đang lên xem nhật kí của mình.

c. Bạn lấy vật dụng của mình dùng, sau đó mới nói mượn.

d. Thấy bạn nhặt được ví tiền trên đường và lẳng lặng cất vào cặp.

- 1 HS đọc yêu cầu bài.

- HS làm việc chung cả lớp: đọc các nhận xét, thảo luận và đưa ra nhận xét:

+ Em đồng tình với các ý kiến a, c, e vì đó là những ý kiến thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

+ Em không đồng tình với các ý kiến b, d vì bạn bè, người lớn tuổi hay người ít tuổi hơn thì vẫn phải tôn trọng tài sản của họ. Muốn sử dụng tài sản của bất kì ai thì cũng phải xin phép.

- HS trình bày.

- HS khác nhận xét.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- 1 HS đọc yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm 2, cùng nhau nhận xét các hành động và đưa ra lời khuyên phù hợp:

+ Nhận xét hành động: Tất cả các hành động trên đều là hành động không đúng, không thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

+ Đưa ra lời khuyên:

Trường hợp a: Khuyến bạn là muốn lấy đồ của ai thì trước hết phải xin phép và được sự cho phép của họ mới được lấy.

<ul style="list-style-type: none"> - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét chung, tuyên dương 	<p><i>Trường hợp b: Đề nghị chị lần sau không được làm như vậy nữa vì đó là tài sản riêng tư của mình và mình muốn được chị tôn trọng.</i></p> <p><i>Trường hợp c: Khuyên bạn lần sau phải hỏi mượn trước và được sự đồng ý, sau đó mới sử dụng.</i></p> <p><i>Trường hợp d: Khuyên bạn đưa ví tiền lên trụ sở công an để trình báo hoặc báo cho người lớn biết.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. Vận dụng trải nghiệm.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu cả lớp vẽ và trang trí lên bông hoa một số việc mà bản thân đã làm nhằm thể hiện việc tôn trọng tài sản của người khác. + GV mời HS chia sẻ. + GV nhận xét, tuyên dương - Nhận xét sau tiết dạy. - Dẫn dò về nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe yêu cầu để thực hiện. - HS chia sẻ trước lớp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

ĐÁNH GIÁ VỀ KHẢ NĂNG TỰ LỰC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC Ở NHÀ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Học sinh tự đánh giá về khả năng tự lực thực hiện công việc của mình.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

- Góp phần hình thành và phát triển:

* Năng lực : giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Nhận diện – khám phá:	
<p>- GV tổ chức múa hát bài “Giúp mẹ” - Nhạc và lời Lê Vinh Phúc để khởi động bài học.</p> <p>- GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát</p> <p>+ Bài hát do ca sỹ nào thể hiện?</p> <p>+ Bạn nhỏ trong bài hát đã biết làm việc gì để giúp mẹ khi mẹ vắng nhà?</p> <p>+ Khi mẹ về thái độ mẹ như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới: Mặc dù mẹ bạn nhỏ không ở nhà, bạn ý vẫn tự giác làm những việc như quét nhà, quét sân, tưới cây. Sự ý thực tự lực của bạn làm bố mẹ rất vui lòng. Vậy chúng ta đã tự làm được việc gì rồi, người thân nghĩ gì về chúng ta? chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay nhé</p>	<p>- Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát.</p> <p>- HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.</p> <p>+ Nhật Lan Vy</p> <p>+ Bạn nhỏ quét nhà, quét sân, tưới cây.</p> <p>+ Rất vui, ôm em vào lòng.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
2. Báo cáo công tác tổng kết tuần:	
<p>* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)</p> <p>- GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:</p> <p>+ Sinh hoạt nền nếp.</p>	<p>- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.</p>

<p>+ Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.</p> <p>+ Kết quả hoạt động các phong trào.</p> <p>+ Một số nội dung phát sinh trong tuần...</p> <p>- Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.</p> <p>- Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)</p> <p>* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)</p> <p>- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.</p> <p>+ Thực hiện nề nếp trong tuần.</p> <p>+ Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.</p> <p>+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.</p> <p>- Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý.</p> <p>- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.</p>	<p>- Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- 1 HS nêu lại nội dung.</p> <p>- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.</p> <p>- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.</p>
<p>3. Sinh hoạt chủ đề.</p>	
<p>Hoạt động 3: Tự đánh giá:</p> <p>* Chia sẻ được về những việc mình đã làm. (Nhóm bàn)</p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu: Liệt kê những việc em đã thực hiện đều đặn và những việc thường quên thực hiện ở nhà</p> <p>- GV yêu cầu HS liệt kê những việc sau:</p> <p>+ Em đã thực hiện đều đặn và những việc thường quên thực hiện ở nhà? Việc nào em</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS thảo luận nhóm bàn:</p> <p>+ HS nêu những việc đã làm và những việc thường quên.</p>

<p>làm tốt nhất? Em làm việc này vào thời gian nào trong ngày?</p> <p>+ Để thực hiện việc đó em đã sử dụng dụng cụ nào?</p> <p>+ Làm xong em có cất dụng cụ đúng chỗ không? có điều cần gì lưu ý khi sử dụng dụng cụ này?</p> <p>- GV mời 2 đến 3 Hs chia sẻ bí kíp của mình để làm việc nhà tốt nhất</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương</p> <p>Kết luận: làm việc nhà nên trở thành thói quen và niềm vui của mỗi người</p> <p>* Đánh giá khả năng tự lực của mình</p> <p>- GV đề nghị học sinh tự đánh giá khả năng tự lực thực hiện nhiệm vụ ở nhà của mình theo các tiêu chí:</p> <p>A. Hoàn thành đúng hạn đúng hạn cần nhắc nhở;</p> <p>B. Hoàn thành đúng hạn</p> <p>C. Hoàn thành đúng hạn và có sáng tạo trong công việc</p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ mức độ tự đánh giá bằng cách giơ thẻ chọn A, B hoặc C</p> <p>- GV: Nếu em hoàn thành đúng hạn và có sáng tạo trong công việc em nhận được huy hiệu NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương</p> <p>Hoạt động 4: Chia sẻ góp ý của người thân trong phiếu việc nhà về những việc em đã làm được</p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ góp ý của người thân trong phiếu việc nhà về những việc em đã làm được</p>	<p>+ Hs nêu các dụng cụ như: chổi, dẻ lau, cọ chùi nhà vệ sinh...</p> <p>+ Sau khi sử dụng giặt sạch sẽ và phơi khô ráo...</p> <p>- HS chia sẻ bí kíp: Không để dồn đống công việc, lập phiếu, thời gian biểu..</p> <p>- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p> <p>- Mỗi HS tự đánh giá về mức độ hoàn thành công việc.</p> <p>- HS chia sẻ mức độ tự đánh giá bằng cách giơ thẻ chọn A, B hoặc C</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p> <p>- HS chia sẻ bằng cách giơ phiếu góp ý của người thân như các phiếu sau:</p> <p>- HS chia sẻ trước lớp: VD: Trước kia mình thường quên, bây giờ để không</p>
---	---

<p>- Chia sẻ về sự tiến bộ của em trong việc tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao: Trước kia mình ... Bây giờ mình...</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương</p> <p>Kết luận: làm việc nhà nên trở thành thói quen và niềm vui của mỗi người</p>	<p>quên, mình lập phiếu việc nhà. Trước đây mình làm xong thường để đồ dùng lộn xộn, giờ mình đã cất đặt cẩn thận</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>
<p>5. Đánh giá – phát triển.</p>	
<p>- GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:</p> <p>+ Tiếp tục suy nghĩ và thảo luận với người thân về những việc nhà cần làm.</p> <p>+ Tiếp tục những việc làm đáng tự hào của bản thân ở trường</p> <p>- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.</p>	<p>- Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình cũng như những việc ở trường</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Khoa học:

Bài 16: ĐỘNG VẬT CẦN GÌ ĐỂ SỐNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đưa được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển.
- Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống.
- Hoàn thành sơ đồ gợi ý về sự trao đổi khí, nước, thức ăn của động vật với môi trường.
- Vận dụng kiến thức về nhu cầu sống và trao đổi chất ở động vật giải thích được một số hiện tượng trong tự nhiên, ứng dụng trong sử dụng và chăm sóc vật nuôi.

***/Góp phần hình thành và phát triển:**

* Năng lực: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Phẩm chất nhân ái, phẩm chất chăm chỉ, phẩm chất trách nhiệm:

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy **III.**

CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chia sẻ về ở nhà có chăm sóc con vật nuôi nào? - Con vật nuôi của con có những nhu cầu ăn uống thế nào? - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ trước lớp - HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức mới.	
Hoạt động 2: THỨC ĂN CỦA ĐỘNG VẬT	
<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân đọc thông tin khoa học. - Yêu cầu HS đọc câu hỏi và quan sát hình. - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ nhóm 2, lần lượt trả lời từng câu hỏi. 1. Quan sát hình 4, trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> - Các con vật trong hình đang sử dụng những thức ăn nào? - Thức ăn đó từ thực vật hay động vật? - GV mời đại diện các nhóm lên trình bày giới thiệu con vật và trả lời 2 câu hỏi. - Mời HS nhận xét. - GV kết luận: Có những động vật sử dụng thức ăn là động vật hoặc thực vật. Có những 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc thông tin khoa học. - HS đọc yêu cầu nhiệm vụ - HS chia sẻ nhóm 2 - Mời đại diện các nhóm trình bày câu a Hình 4d: con bò ăn cỏ, thức ăn đó là thực vật. Hình 4b: con gà ăn rau, thức ăn đó là thực vật. Hình 4c con chim ăn cá con, thức ăn đó là động vật. Hình 4d: con hồ ăn thịt, thức ăn là động vật. -HS lắng nghe

<p>động vật sử dụng cả thức ăn là động vật và thực vật</p>	
<p>2. Nếu tên các con vật trong hình 5 về thức ăn của chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - Mời HS làm việc cá nhân nêu tên con vật trong từng hình và thức ăn của chúng. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4. - GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương - GV cung cấp cho HS xem clip về một số động vật ăn động vật và thực vật. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS quan sát tranh và suy nghĩ cá nhân - HS làm việc nhóm 4, quan sát tranh, thảo luận và đưa ra các phương án trả lời. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Các nhóm khác nhận xét, góp ý. - Cả lớp lắng nghe
<p>3. Hãy cho biết thức ăn của động vật khác gì so với "thức ăn" của thực vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV cho HS trao đổi nhóm 2 - Mời các nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi - GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Mời các nhóm khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương. <p>GV chốt: động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng như thực vật, phải sử dụng thức ăn từ 'thực vật và động vật khác để sống và phát triển.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - HS trao đổi nhóm 2, để so sánh + Thức ăn của động vật và thức ăn của thực vật khác nhau. "Thức ăn" của thực vật là nước, chất khoáng, khí các-bô-nic nhờ khả năng quang hợp kì diệu của lá cây để tạo thành chất dinh dưỡng cần cho sự sống.
<p>4. Vận dụng trải nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi ở nhà các con hay cho vật nuôi như mèo ăn những thức ăn tổng hợp. Vậy thức ăn đó là động vật hay thực vật? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời - Học sinh lắng nghe

GV mở rộng: Các nhà nghiên cứu đã phối trộn thức ăn có nguồn gốc thực vật và thức ăn có nguồn gốc động vật để tạo các loại thức ăn tổng hợp cho vật nuôi. Chúng ta không thấy rõ đó là thức ăn thực vật hay động vật trong thức ăn tổng hợp, nhưng thành phần thức ăn của chúng thường được chế tạo từ các nguồn đó.

- Cho HS thi nói các con vật mà mình biết và thức ăn của chúng.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- HS thi nói nối tiếp

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Ký duyệt:

Giáo viên thực hiện: